

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 09/2024/CV đề ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Madison Land về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm” tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Madison Land, địa chỉ tại 259 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm” tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên trở lên mã số 0301448028 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 09 tháng 08 năm 2022); Quyết định điều chỉnh chủ trương

đầu tư số 3350/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

1.4. Mã số thuế: 0301448028.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch nghỉ dưỡng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khu khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng và khu vui chơi giải trí (chi tiết theo Quyết định số 8014/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện Xuyên Mộc về việc điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm và Quyết định số 3829/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện Xuyên Mộc về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Madison Land

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Madison Land có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng ... năm 2034).

(Giấy phép môi trường số 05/GPMT-STNMT ngày 27/6/2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên Mộc tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Madison Land;
 - UBND tỉnh (b/c);
 - Giám đốc, các PGĐ Sở (b/c);
 - Sở Xây dựng;
 - Công an tỉnh;
 - UBND huyện Xuyên Mộc;
 - Phòng TN&MT huyện Xuyên Mộc;
 - Trung tâm phục vụ hành chính công;
 - Trung tâm CNTT TN&MT
- (đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở);
- Lưu: VT, PQLMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng ... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khối khách sạn.

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các khối nhà biệt thự.

Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà hàng khối khách sạn.

Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu dịch vụ - công cộng.

Nguồn số 05: Nước thải hồ bơi phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi định kỳ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ven biển Vũng Tàu - Bình Châu tại áp Hồ Tràm, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, dẫn thoát về khu vực hạ lưu sông Ray.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Toạ độ vị trí xả nước thải tại hố ga cuối trong ranh cơ sở trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực: X (m): 1157914; Y (m): 458900.

- Toạ độ vị trí đầu nối thoát nước thải của cơ sở vào cống thoát nước chung trên đường ven biển: X(m): 1157921; Y(m): 458900.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 435 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải của dự án sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định được thải vào cống thoát nước chung của khu vực theo phương thức xả cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)		
1	pH	-	5 - 9		
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

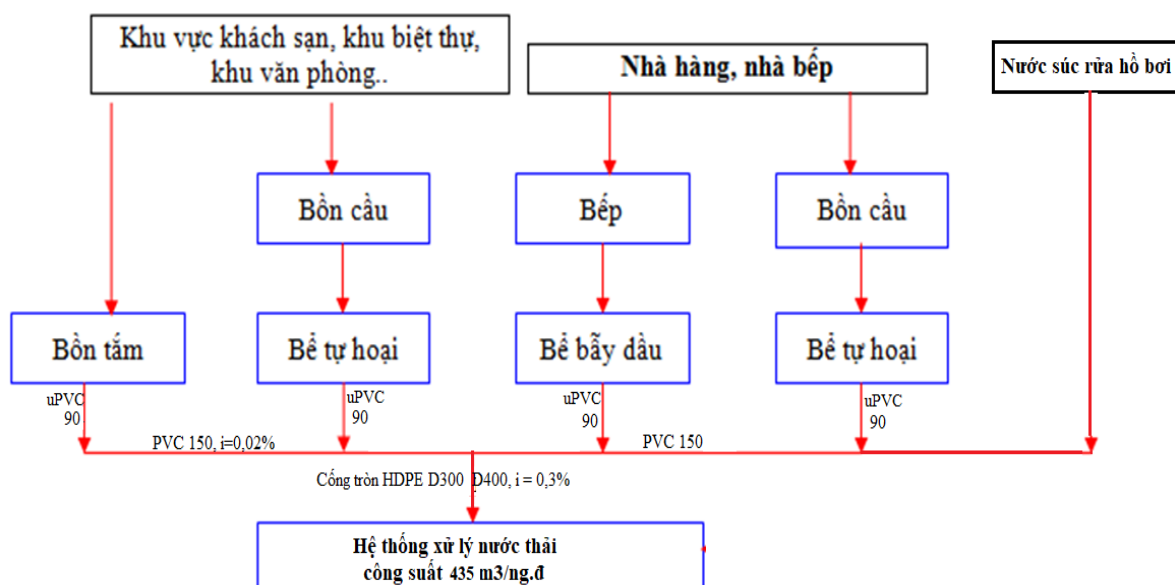
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực khách sạn, biệt thự, nhà hàng, khu dịch vụ - công cộng và nước thải hồ bơi phát sinh từ quá trình rửa lọc hồ bơi định kỳ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung; nước thải phát sinh từ khu vực bếp được dẫn vào bể tách dầu mỡ trước khi dẫn về HTXLNT tập trung.

Sơ đồ công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải của dự án như sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí-MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Bể chứa nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K=1).

- Công suất thiết kế: 435m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl, NaOH, mật rỉ, men vi sinh xử lý bùn, vật liệu lọc (cát, sỏi).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động:

- Bố trí nhân viên có bằng cấp, kinh nghiệm để vận hành HTXLNT; bảo đảm vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị HTXLNT theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp;

- Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng;

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý;

- Khi gặp sự cố hệ thống xử lý nước thải không đạt thì người vận hành thông báo đơn vị quản lý thực hiện dừng vận hành hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa hệ thống nước thải trong thời gian nhanh nhất. Nước thải chưa được xử lý đưa về bể thu gom và bể điều hòa, sau khi hệ thống XLNT đã vận hành ổn định trở lại sẽ thực hiện xử lý lại. Nước thải được xử lý bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra môi trường theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 435 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
Hệ thống xử lý nước thải công suất 435 m ³ /ngày.đêm	Đầu vào: tại Bể thu gom	Mẫu đơn	1	Lưu lượng; pH; BOD ₅ ; TSS; Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua; Amoni; Nitrat; Dầu mỡ động, thực vật; Tổng
	Đầu ra: tại bể chứa nước thải	Mẫu đơn	3	

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
	sau xử lý Tọa độ: X(m): 1157909; Y(m): 458883.			các chất hoạt động bề mặt; Phosphat; Tổng Coliforms.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)
1.	pH	-	5 - 9
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải bảo đảm các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.4. Tăng cường trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời, duy trì, vận hành thường xuyên hệ thống giảm thiểu mùi hôi của hệ thống xử lý nước thải, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

3.5 Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.8. Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, xung quanh hệ thống xử lý nước thải phải trồng dải cây xanh cách ly (phân tầng) có chiều rộng $\geq 10\text{m}$.

Phụ lục 2
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh cơ sở và khu vực phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	288
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	144
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	180
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	120
5	Hộp chứa mực in thải	08 02 04 *	120
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác	18 01 04 *	60
7	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05 *	10
8	Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 06 *	10
	Tổng cộng		932

Ghi chú: () Theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, các loại chất thải này được ký hiệu là KS – Chất thải công nghiệp phải kiểm soát. Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, trường hợp chất thải công nghiệp phải được kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.*

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	36.936
2	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu)	12 06 11	1.400

	ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước		
3	Chất thải từ thiết bị sàng lọc, lọc cát	12 06 09	3.000
	Tổng cộng		41.336

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	324
	Tổng cộng	324

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn mã phân loại theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Bố trí 1 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 10m² cụ thể: Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa: Kho chứa CTNH được xây dựng phòng kín, tường gạch vữa, sàn lát gạch men, cửa đóng kính, có cửa thông hơi, dán biển cảnh báo kho chất thải nguy hại, khu vực thùng chứa dầu nhớt thải có gờ bao xung quanh để phòng ngừa sự cố rò rỉ dầu tràn ra bên ngoài theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn thể tích khoảng 29,12m³. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Dầu mỡ thải từ bể tách dầu định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Đối với sỏi, cát thải định kỳ từ bồn lọc của hệ thống xử lý nước thải sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa có nắp đậy để lưu trữ, dán nhãn phân loại rác theo quy định tại Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt chứa trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy được tập kết tại khu vực ngoài trời với diện tích khoảng 66 m² sàn được tráng bê tông (được bố trí gần khu vực trạm xử lý nước thải).

2.4. Yêu cầu khác về quản lý chất thải rắn

Xây dựng kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa theo quy định của Chính phủ và địa phương; tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND. Thực hiện chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định.

6. Bồi thường thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.